

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÚC LIGHT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÚC LIGHT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG PHUC INVESTMENT CONSTRUCTION LIGHT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110692882

**3. Ngày thành lập:** 22/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Đại Đồng, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989546638

Fax:

Email: [Truongphucts@gmail.com](mailto:Truongphucts@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                     | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                            | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                            | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                       | 4390        |
| 5.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                           | 0810        |
| 6.  | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                                                   | 0899        |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>( Trừ ô tô chuyên dụng )                                                                | 4933        |
| 8.  | Vận tải đường ống                                                                                                         | 4940        |
| 9.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                       | 5022        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                 | 5222        |
| 11. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                          | 5224        |
| 12. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                         | 4101        |
| 13. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                   | 4102        |
| 14. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                             | 4211        |
| 15. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                              | 4212        |
| 16. | Xây dựng công trình điện                                                                                                  | 4221        |
| 17. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                       | 4222        |
| 18. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                        | 4223        |
| 19. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                         | 4229        |
| 20. | Xây dựng công trình thủy<br>Chi tiết:<br>- Nạo vét luồng hàng hải, luồng sông, kênh mương<br>- Xây dựng cầu cống, đê điều | 4291(Chính) |
| 21. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                           | 4292        |
| 22. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                     | 4293        |
| 23. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                | 4299        |
| 24. | Phá dỡ<br>(Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                                                       | 4311        |
| 25. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng<br>(Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)              | 4312        |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                     | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                       | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐÀO THẠCH<br>TÚ | Thôn Trà Hôi, Xã<br>Thụy Bình,<br>Huyện Thái Thụy,<br>Tỉnh Thái Bình,<br>Việt Nam                                        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 20,000       | 0340990014<br>29                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                          | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | VŨ ĐÌNH THỂ     | Căn hộ chung cư<br>30 nhà A2, T/T<br>Thành Công,<br>Phường Thành<br>Công, Quận Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 550.000       | 5.500.000.000            | 55,000       | 0340710078<br>11                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                          | Tổng số                            | 550.000       | 5.500.000.000            | 55,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

